

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG
(Theo hệ thống tín chỉ)

Tên chương trình:	Giáo dục Tiểu học
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Ngành đào tạo:	Giáo dục Tiểu học
Loại hình đào tạo:	Chính quy.

*(Ban hành theo Quyết định số 791/QĐ-ĐHHD, ngày 28 tháng 6 năm 2010
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Sinh viên tốt nghiệp có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học, có khả năng dạy tốt chương trình tiểu học, nghiên cứu khoa học giáo dục, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của giáo dục tiểu học trong những thập kỷ tới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

- Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, là công dân tốt, chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của ngành.

- Yêu nghề dạy học, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, đối xử công bằng với mọi học sinh, được học sinh tin yêu.

- Có tinh thần trách nhiệm trong công tác, có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, biết đoàn kết, hợp tác, khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, có quan hệ tốt với gia đình học sinh và cộng đồng, biết vận động các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện xã hội hoá giáo dục.

- Có ý thức chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

1.2.2. Về kiến thức

- Có kiến thức giáo dục đại cương đủ rộng, nắm vững các kiến thức chuyên môn, bảo đảm dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục trong chương trình

các lớp cấp tiểu học, được nâng cao về 3 môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên - Xã hội. Tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp có thể học tiếp lên trình độ cao hơn.

- Có kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học, về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, vận dụng được các kiến thức này vào thực tiễn dạy học, giáo dục học sinh ở trường tiểu học; Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết những chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội, giáo dục, văn hoá của đất nước; Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành; kiến thức phổ thông về môi trường, dân số, an ninh - quốc phòng, an toàn giao thông, về quyền trẻ em, y tế học đường để có thể thực hiện giáo dục tích hợp; về tình hình kinh tế - văn hoá - xã hội, đời sống, phong tục tập quán của địa phương để có thể hoà nhập và góp phần phát triển cộng đồng;

- Được trang bị những thông tin cập nhật về đổi mới giáo dục tiểu học trong nước và khu vực, có khả năng vận dụng đổi mới phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học.

1.2.3. Về kỹ năng

- Lập được kế hoạch giáo dục cho từng học kỳ và năm học, biết lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.

- Tổ chức được các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập. Biết dạy cho học sinh phương pháp học tập, đặc biệt biết tự học, phát triển ở học sinh năng lực tự đánh giá. Biết sử dụng các phương tiện công nghệ dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin, vào quá trình dạy học ở tiểu học.

- Khi có nhu cầu, có thể dạy lớp ghép, dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, dạy học sinh khuyết tật, tàn tật theo hướng hoà nhập.

- Làm được công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động Sao nhi đồng, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết, tự quản. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt. Biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ về quá trình học tập rèn luyện đạo đức của học sinh.

- Giao tiếp và ứng xử thích hợp với học sinh, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

1.2.4. Về sức khoẻ: Đảm bảo sức khoẻ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

1.2.5. Vị trí công tác: Làm việc tại các cơ sở giáo dục Tiểu học.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm (36 tháng)

3. Khối kiến thức toàn khoá: 112 tín chỉ (không tính phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: Theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT.

7. Nội dung chương trình

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương	33
7.1.1. Lý luận chính trị	10 TC
7.1.2. Ngoại ngữ:	7
7.1.3. Khoa học xã hội - Nhân văn- Nghệ thuật	8
+ <i>Bắt buộc</i>	8
+ <i>Tự chọn</i>	0
7.1.4. Toán - Tin- Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	8
7.1.5. Giáo dục thể chất	75 t
7.1.6. Giáo dục Quốc phòng	165 t
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	75
7.2.1. Kiến thức chung của ngành	10
7.2.2. Kiến thức ngành	55
+ <i>Bắt buộc</i>	51
+ <i>Tự chọn</i>	4
7.2.3 Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	4
7.2.4 Kiến, thực tập sư phạm	6
7.3. Khoá luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN	4

8. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Khối kiến thức giáo dục ĐC		33							
I	Lý luận chính trị		10							
1		Những NLCB của Mác-Lênin 1	2	21	18		90	1	Nguyên lý	
2		Những NLCB của Mác-Lênin 2	3	32	26		135	1	2	Nguyên lý
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	2	3	T.tư tưởng-PL
4		Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	32	26		135	3	4	Đường lối
II	Ngoại ngữ		7							
5		Tiếng Anh 1	4	36	48		180		2	NN KC
6		Tiếng Anh 2	3	27	36		135	5	3	NN KC
III	Giáo dục thể chất và quốc phòng									
7		Giáo dục thể chất	75 t							GDTC
8		GD Quốc phòng	165t							GDQP
IV	Khoa học xã hội - NV - NT		8							
9		Quản lý hành chính Nhà nước & Quản lý ngành	2	18	24		90	0	6	Tâm lý
10		Pháp luật đại cương	2	18	24		90		3	T.tư tưởng-PL
11		Ngôn ngữ học đại cương	2	18	24		90	0	1	Ngữ văn
12		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90	0	2	Ngữ văn
V	KHTN - Toán - Tin - KTCN- Môi trường		8							
13		Tin học	2	10		40	90	0	1	Tin học UD
14		Toán cao cấp (TH)	2	18	24		90	0	1	BM Toán
15		Xác suất và Thống kê toán	2	18	24		90	14	3	BM Toán
16		Giáo dục môi trường	2	18	24		90	0	6	ĐV, TV
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		75							
I	Kiến thức chung của ngành		10							
17		Tâm lý học Tiểu học	4	36	48		180		1	Tâm lý
18		Giáo dục học Tiểu học	4	36	48		180	17	2	Giáo dục
19		Sinh lý trẻ em & GDSK	2	18	24		90		1	Động vật
II	Kiến thức ngành		55							
20		Tiếng Việt 1	2	18	24		90	11	2	Ngữ văn
21		Tiếng Việt 2	2	18	24		90	20	3	Ngữ văn
22		RLKN Tiếng Việt	3	27	36		135	21	5	Ngữ văn
23		Phương pháp DH TViệt ở Tiểu học	4	36	48		180	22	4	Ngữ văn
24		Văn học 1	2	18	24		90	0	1	Ngữ văn
25		Văn học 2	3	27	36		135	24	3	Văn học
26		Số học	2	18	24		90	14	2	BM Toán
27		P. pháp DH Toán ở Tiểu học 1	2	18	24		90	26	4	BM Toán
28		P. pháp DH Toán ở Tiểu học 2	2	18	24		90	27	5	BM Toán
29		Phương tiện KTDH và UD CNTT-dạy học toán TH	2	14	10	18	90	27	5	

30		Phương pháp NC khoa học GD	2	18	24		90	18	3	Tâm lý
31		Đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	2	18	24		90	29	4	Tâm lý
32		Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 1	3	27	36		135	0	1	Địa lý
33		PP DH Tự nhiên & Xã hội ở tiểu học	3	27	30	6	135	32	2	Địa lý
34		Thủ công-Kỹ thuật và PPDH Thủ công-Kỹ thuật ở Tiểu học	3	27	30	12	135	0	4	Mỹ thuật
35		Đạo đức và PP DH đạo đức ở Tiểu học	2	18	24		90	0	5	T.tương-PL
36		Phương pháp DH Thể dục ở tiểu học	2	15	10	20	90	0	5	GDTC
37		Âm nhạc	3	24	30	15	135	0	4	Nhạc
38		PPDH Âm nhạc ở Tiểu học	2	18	18	6	90	37	5	Nhạc
39		Mỹ thuật	3	24	30	15	135	0	4	Mỹ thuật
40		PPDH Mỹ thuật ở tiểu học	2	18	18	6	90	39	5	Mỹ thuật
41	Tiếng Việt (Chọn 1 trong 2 học phần)									
		Ngữ pháp chức năng	2	18	24		90		6	Văn
		Lý thuyết hội thoại	2	18	24		90		6	Văn
42	Toán học (Chọn 1 trong 2 học phần)									
		Lý thuyết đồng dư - Các PP sáng tác bài toán ở tiểu học	2	15	24	6	90		6	Toán
		Cơ sở lý thuyết của Toán học ở tiểu học	2	15	24	6	90		6	Toán
III	Kiến thức nghiệp vụ Sư phạm		10							
43		Tổ chức HĐ ngoài giờ lên lớp TH công tác Đội TNTP HCM	2	12	20	30	90	18	3	TLGD
44		Rèn luyện NVSP TX	2	0	15	30	90	18	5	SPTH
45		Kiến tập sư phạm	2					18	4	
46		Thực tập sư phạm	4					45	6	
IV	Khóa luận TN/học phần thay thế KLTN		6							
		Tiếng Việt trong trường Tiểu học	2	18	24		90		6	Ngữ văn
		PPDH toán 3	2	18	24		90		6	Toán
	Tổng		112							

9. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin/The basic principles of Maxism 2 TC (21,18,0)

Nội dung ban theo theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin/The basic principles of Maxism 3 TC (32,26,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.1

Nội dung ban theo theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh/HoChiMinh's ideology 2 TC (21,18,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.2

Nội dung ban theo theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng CSVN/Vietnamese revolution policy 3 TC (32,26,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.3

Nội dung ban theo theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.5-9.6. Tiếng Anh 1,2/English 1, 2 7 TC (63,84,0)

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng giao tiếp thông thường.

9.7. Giáo dục thể chất/Physical education 45 tiết

Nội dung môn học được ban hành tại quyết định số 3244/GD&ĐT ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.8. Giáo dục Quốc phòng /Military education 165 t

Nội dung môn học được ban hành tại quyết định số 81/2007/QĐ- BGD&ĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.9. Quản lý HCNN và QLGD/Administration and education management

2 TC (18,24,0)

Nội dung môn học được ban hành tại quyết định số 33/2002/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.10. Pháp luật đại cương/Basic law

2 TC (18,24,0)

Nội dung thực hiện theo Chỉ thị 45/2007/CT-BGDĐT ngày 17/8 /2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.11. Ngôn ngữ học đại cương/Basic linguistics

2 TC (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học đại cương như: đại cương về ngôn ngữ, đại cương về ngữ âm, đại cương về từ vựng - ngữ nghĩa, đại cương về ngữ pháp, đại cương về phong cách.

9.12. Cơ sở văn hoá Việt Nam/Basic Vietnam culture

2 TC (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu chung về văn hoá, văn hoá học, văn hoá Việt Nam và tiến trình văn hoá Việt Nam; giới thiệu về các thành tố trong cấu trúc văn hoá Việt Nam: văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể, cá nhân, văn hoá ứng xử môi trường tự nhiên, xã hội; gợi ý đánh giá, kết luận về văn hoá Việt Nam.

9.13. Tin học/Informatics

2 TC (10,0,40)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Đại cương về tin học, tổng quan về máy tính, hệ điều hành, Windows và khai thác sử dụng Windows; Các ứng dụng văn phòng: Word, Excel, Power point; lhaiis niệm về mạng máy tính & Internet, thực hành: Windows, tin học văn phòng và các dịch vụ internet.

9.14. Toán học cao cấp (TH)/Advanced mathematics (primary school)

2 TC (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Bao gồm kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết tập hợp (tập hợp và các phép toán trên tập hợp, quan hệ, ánh xạ); Cơ sở của logic toán (mệnh đề và các phép logic, công thức và quy tắc suy luận, suy luận và chứng minh trong dạy học toán ở tiểu học); Suy luận và các phép tiên chứng minh trong dạy học toán ở tiểu học. Một số kiến thức về cấu trúc đại số.

9.15. Xác suất và thống kê toán/Theory of probability and mathematics statistics

2 TC (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Toán học cao cấp.

Nội dung: Bao gồm các khái niệm cơ bản về xác suất. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối. Kiến thức đại cương về thống kê toán học. Một số phương pháp thống kê trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.16. Giáo dục môi trường/Environmental education **2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giới thiệu một số khái niệm về môi trường, sinh quyển; các môi trường sống chính; nguồn năng lượng, nguồn nước và nguồn khoáng; tác động gây ô nhiễm môi trường của con người; giáo dục bảo vệ và phát triển bền vững môi trường trong nhà trường và trong cộng đồng; luật bảo vệ môi trường.

9.17. Tâm lý học Tiểu học/Psychology study primary school

4 TC (36,48,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm hai phần:

Phần I: Những kiến thức về vấn đề chung của Tâm lý học như: đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của Tâm lý người; sự nảy sinh, hình thành và phát triển Tâm lý, ý thức; Những hiện tượng cơ bản trong đời sống Tâm lý như: nhận thức, tình cảm, hành động; sự sai lệch hành vi của cá nhân.

Phần II: gồm những tri thức cơ bản về Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học; các hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học; một số vấn đề về tâm lý học dạy học ở tiểu học; các vấn đề về tâm lý học giáo dục tiểu học; Tâm lý học nhân cách giáo viên tiểu học.

9.18. Giáo dục học tiểu học /Education study primary school

4 TC (36,48,0)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học tiểu học.

Học phần gồm hệ thống các kiến thức lý luận cơ bản sau đây: GD là một hiện tượng xã hội đặc biệt; Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục học, hệ thống các khái niệm và phạm trù cơ bản của giáo dục học, giáo dục và sự phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ của giáo dục; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học tiểu học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục ở trường tiểu học; người giáo viên tiểu học và việc kết hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

9.19. Sinh lý trẻ em và Giáo dục sức khỏe/Children physiology

2 TC (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em. Cấu tạo, đặc điểm sinh lý lứa tuổi và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan: hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cấp cao; hoạt động của các Cơ quan phân tích.; hệ Nội tiết. Và hệ Sinh dục; hệ Hô hấp.; hệ Tuần hoàn; hệ tiêu hoá.và trao đổi chất của trẻ em lứa tuổi tiểu học.

9.20. Tiếng Việt 1/Vietnamese language 1 **2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đại cương Tiếng Việt, từ vựng ngữ nghĩa học Tiếng Việt; đồng thời rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Việt: ghi âm vị, miêu tả âm vị, phân biệt âm vị và con chữ; vạch ranh giới từ; nhận diện theo cấu tạo, giải nghĩa từ, nhận diện các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm,

9.21. Tiếng Việt 2/Vietnamese language 2 **2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ pháp Tiếng Việt hiện đại, phong cách học Tiếng Việt hiện đại; đồng thời rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Việt như: nhận diện từ loại, nhận diện và phân tích cấu tạo các cụm từ; phân tích cấu tạo câu, chỉ ra cấu trúc đoạn văn, tính liên kết của văn bản; phân biệt được phương tiện từ từ với biện pháp tu từ, nhận diện và chỉ ra giá trị biểu đạt của phương tiện từ từ và biện pháp tu từ trong ngữ cảnh.

9.22. Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt/Practising Vietnamese **3 TC (27,36,0)**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt 1, 2

Bao gồm những kỹ năng sử dụng tiếng Việt phục vụ cho việc dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học như: kỹ năng nói, kỹ năng kể chuyện, kỹ năng nghe, kỹ năng đọc, kỹ năng viết chữ, kỹ năng viết đoạn văn và văn bản.

9.23. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học/Teaching method of Vietnamese at primary school **4 TC (36,40,8)**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2

Học phần giới thiệu các kiến thức đại cương về phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học; những kiến thức, kỹ năng tổ chức quá trình dạy học phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập đọc, Kể chuyện, Tập làm văn ở Tiểu học; ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học các phân môn môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

9.24. Văn học 1/Literature 1 **2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về Lý luận văn học (cơ sở lí luận chung, tác phẩm văn học, loại thể văn học); đồng thời giới thiệu một số kiến thức cơ bản về Thi pháp học (thi pháp cốt truyện, thi pháp không gian, thời gian nghệ thuật, thi pháp nhân vật, kết cấu, cốt truyện.....).

9.25. Văn học 2/Literature 2 **3 TC (27,36,0)**

Điều kiện tiên quyết: Văn học 1

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về Văn học dân gian Việt Nam, Văn học viết Việt Nam qua các thời kì, Văn học thiếu nhi Việt Nam, Văn học nước ngoài.

9.26. Số học/Arithmetics**2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Toán học cao cấp.

Cung cấp cho sinh viên về phương pháp xây dựng các tập hợp số: Tự nhiên (N), số nguyên (Z), số hữu tỷ (Q), số thực (R),

Trang bị cho sinh viên về lý thuyết chia hết trên tập số nguyên Z.

9.27. Phương Pháp dạy học toán 1/Teaching method of maths 1**2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Toán học cao cấp và số học.

Học phần giới thiệu những vấn đề chung về PPDH toán ở Tiểu học, bao gồm: đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học khi học toán; nội dung môn toán Tiểu học; các phương pháp và hình thức dạy học toán ở Tiểu học; phương pháp kiểm tra đánh giá; sử dụng thiết bị dạy học toán; chuẩn bị và tổ chức dạy học toán ở Tiểu học.

Nội dung và phương pháp dạy học từng mạch kiến thức trong chương trình toán Tiểu học: DH số và phép tính với các số tự nhiên, phân số, số thập phân; DH đại lượng và các yếu tố thống kê; Dạy học yếu tố hình học; Dạy học giải toán có lời văn.

9.28. Phương Pháp dạy học toán tiểu học 2/Teaching method of maths at primary level**2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: PPDH Toán 1.

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về giải toán Tiểu học; Các PP giải các bài toán điển hình ở Tiểu học; Một số PP thường dùng trong giải toán Tiểu học.

9.29. Phương tiện KTDH và UDCNTT trong DH Toán ở tiểu học/IT application in teaching maths at primary school**2 TC (14,10,18)**

Điều kiện tiên quyết: Tin học, Giáo dục học Tiểu học.

Bao gồm một số kiến thức cơ bản về sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở tiểu học; giới thiệu một số ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (chủ yếu đề cập đến việc thiết kế và trình bày bài giảng bằng Power Point, sử dụng phần mềm giáo dục để dạy - học tiểu học và khai thác Internet, ...).

9.30. P.pháp nghiên cứu Khoa học/Science study method**2 TC (18, 24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Tiểu học.

Giới thiệu kiến thức về khoa học giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục; quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; logic tiến hành một đề tài khoa học giáo dục; đánh giá một công trình khoa học giáo dục.

9.31. Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học/Teaching assessment at primary school**2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Tiểu học.

Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học bao gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học: khái niệm và chức năng của đánh giá kết quả học tập ở tiểu học; nguyên tắc đánh giá, phân loại kiểm tra và đánh giá kết quả học tập ở tiểu học; nội dung và kỹ thuật đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

9.32. Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1/Natural-Social basis 1 3 TC (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục môi trường, Sinh lý trẻ em.

Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về sinh học, vật lý, hoá học, lịch sử, địa lý và kiến thức về cuộc sống xã hội hiện tại làm cơ sở để dạy các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.

9.33. Phương pháp dạy học TN&XH/Teaching method of natural-Social subject 3 TC (27,30,6).

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp những vấn đề chung về phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội ở Tiểu học.

Giới thiệu nội dung, chương trình, Sách giáo khoa môn Tự nhiên-Xã hội, khoa học, lịch sử và địa lý; một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học Tự nhiên&Xã hội; kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn TN&XH, khoa học, lịch sử và địa lý.

Hướng dẫn cho sinh viên giảng dạy các môn học ở tiểu học và các môn Tự nhiên - Xã hội , khoa học, Lịch sử và Địa lý.

9.34. Thủ công - Kỹ thuật và PPDH/ Handicraft and teaching method

3 TC (27,30,6)

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp những nội dung cơ bản sau về Kỹ thuật xé, gấp, cắt, dán hình, kỹ thuật đan trang trí và làm đồ chơi, kỹ thuật trồng cây và chăn nuôi, các công việc tự phục vụ, lắp ghép mô hình kỹ thuật.

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về phương pháp dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở Tiểu học, phương pháp Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học, tổ chức dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học, phương pháp dạy học các nội dung trong chương trình Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học.

Sinh viên thực hành được về thiết kế bài dạy, soạn giáo án, tập giảng & xem băng hình.

9.35. Đạo đức và PPDH đạo đức ở tiểu học/ Morality and teaching method of marals at primary school 2 TC (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học Tiểu học, Giáo dục học đại cương.

Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về giáo dục đạo đức và dạy học đạo đức trong chương trình môn Đạo đức ở tiểu học, phương pháp giáo dục đạo đức và phương pháp dạy học môn đạo đức ở tiểu học, trách nhiệm rèn luyện đạo đức của người giáo viên tiểu học để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học.

9.36. Phương pháp dạy học Thể dục/Teaching method of gymnastics

2 TC (15,10,20)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất, các học phần cơ sở của ngành.

Giới thiệu một số kiến thức chung về phương pháp dạy học thể dục ở Tiểu học gồm: những vấn đề chung, nguyên tắc, các phương pháp, phương tiện dạy học và các hình thức tổ chức dạy học thể dục; các phương pháp dạy học cụ thể các phân môn thể dục: Thể dục, Nhảy dây, Điền kinh, đá cầu, Bơi lội, trò chơi vận động.

9.37. Âm nhạc/Music

3 TC (24,30,15)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu những kiến thức sơ giản về nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, các ký hiệu ghi cao độ, trường độ, nhịp độ, phách. Các loại nhịp, cung, quãng; dấu hoá, hoá biểu, điệu thức, gam, giọng ..vv và rèn luyện những kỹ năng đọc nhạc và đọc nhạc các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học.

Giới thiệu một số khái niệm về ca hát (Sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở. Hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, tư thế ca hát); động tác giữ nhịp; dàn dựng bài hát; học các bài hát trong chương trình Tiểu học mới. Giới thiệu sơ lược về đàn Oóc gan (cấu tạo, vị trí các nốt trên phím đàn oóc gan, chức năng, cách sử dụng, cách bảo quản và tư thế đánh đàn), luyện gam; bước đầu tập sử dụng một nhạc cụ để phục vụ cho dạy học âm nhạc ở Tiểu học.

9.38. Phương pháp dạy học Âm nhạc/Teaching method of music

2 TC (18,18,6)

Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ sở của ngành, Âm nhạc

Giới thiệu chung về vai trò của âm nhạc, đặc điểm và khả năng tiếp thu âm nhạc của học sinh Tiểu học; chương trình, sách giáo khoa âm nhạc ở Tiểu học; phương pháp dạy học hát, nghe nhạc, tập đọc nhạc, cách xây dựng kế hoạch bài học âm nhạc và vận dụng vào dạy học âm nhạc theo chương trình, sách giáo khoa âm nhạc Tiểu học mới.

9.39. Mĩ thuật/Arts

34 TC (24,30,15)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên các phần sau:

Vẽ theo mẫu: Những khái niệm cơ bản về mỹ thuật, về vẽ theo mẫu và thực hành vẽ theo mẫu bằng chì (mẫu đơn, mẫu ghép); Ký họa và cách ghi chép để làm tư liệu cho các học phần sau.

Vẽ trang trí: Những khái niệm cơ bản về màu sắc, về trang trí; về bố cục; họa tiết trang trí; trang trí cơ bản; trang trí ứng dụng.

Vẽ tranh: Phân biệt tranh và ảnh, khái niệm vẽ tranh, nguyên tắc về bố cục tranh đề tài, cách xây dựng một bức tranh đề tài, thực hành vẽ tranh.

Nặn tạo dáng tự do: Khái niệm về điêu khắc, các thể loại và chất liệu của điêu khắc, thực hành nặn: Khối cơ bản, quả các loại, con vật và người.

9.40. Phương pháp dạy học Mỹ thuật/Teaching method of Art

2 TC (18,18,6)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Thường thức Mỹ thuật, khái quát về Mỹ thuật Việt Nam qua các thời kỳ, những điều cần biết khi xem tranh, tranh dân gian Việt Nam, nghệ thuật Phục Hưng và trường phái nghệ thuật hiện đại. Phương pháp dạy học Mỹ thuật, chương trình mỹ thuật ở Tiểu học, phương pháp dạy học Mỹ thuật ở Tiểu học, thực hành thiết kế bài dạy, làm đồ dùng dạy học và tập giảng

9.43. Tiếng Việt (tự chọn)/Vietnamese (Optional)

Điều kiện tiên quyết: PPDH Tiếng Việt .

Sinh viên tự chọn một trong hai chuyên đề sau:

a. Ngữ pháp chức năng/Functional grammar **2 TC (18,24,0)**

Học phần giới thiệu một cách tổng quan về ngữ pháp chức năng đồng thời bước đầu vận dụng lí thuyết này vào nghiên cứu câu tiếng Việt trên 3 bình diện: ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng

b. Lý thuyết hội thoại/Conversational theories **2 TC (18,24,0)**

Học phần đi sâu nghiên cứu về lí thuyết hội thoại với các vấn đề như: khái quát chung về hội thoại, cấu trúc hội thoại, quy tắc hội thoại đồng thời gắn lí thuyết hội thoại với việc thực hành luyện nói cho học sinh Tiểu học.

9.42. Toán học (tự chọn) /Maths (Optional)

Sinh viên chọn một trong các môn sau:

a. Lý thuyết đồng dư - Các PP sáng tác bài toán ở Tiểu học/ Modular arithmetic - methods of creating Problems and Exercises on Primary School Mathematics **2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, số học, PPDH Toán 1, 2.

Cung cấp cho SV các kiến thức về:

- Lý thuyết đồng dư: đồng dư thức, phương trình đồng dư, hệ PT đồng dư.

- Các phương pháp khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học để sáng tác bài toán mới.

b. Cơ sở lý thuyết của Toán học ở tiểu học/Theoretical Foundations of Primary school Mathematics **2 TC (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, số học.

Cung cấp cho SV: Cơ sở toán học hiện đại và mô hình vật lý của các khái niệm cơ bản trong chương trình toán Tiểu học về: Các tập hợp số, các yếu tố hình học, đại lượng và đo đại lượng.

9.43. Tổ chức hoạt động NGLL, thực hành CTĐ TNTP HCM/

2 TC (12,20,16).

Điều kiện tiên quyết: Đạo đức và PP Giáo dục đạo đức ở tiểu học.

Ý nghĩa, vai trò của việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học; rèn luyện các kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh tiểu học.

Thực hành tổ chức các hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh. (cắm trại, trò chơi, các bài múa, hát của thiếu nhi, kể chuyện); thực hành tổ chức các hoạt động Sao nhi đồng.

9.44. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên/Practising teaching profession **2 TC (8,16,28)**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ sở của ngành, PPDH các môn ở tiểu học.

Bao gồm một số biện pháp chung về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên: phương pháp, biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng sư phạm, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết (viết chữ, viết bảng ...), giao tiếp, ... và rèn luyện kỹ năng dạy các môn học, nghiên cứu khoa học giáo dục; tổng kết đánh giá hoạt động thực hành sư phạm thường xuyên.

9.45. Kiến tập sư phạm/Listening in primary school **2 TC (4,0,52)**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ sở của ngành, các học phần kiến thức ngành, Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên bao gồm:

- Các hoạt động tìm hiểu thực tế địa phương; tìm hiểu thực tế giáo dục
- Kiến tập dạy các môn học và kiến tập các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

9.46. Thực tập sư phạm/Practical final **4 TC (6,0,138)**

Điều kiện tiên quyết: Sau kiến tập.

Thực tập sư phạm bao gồm:

- Các hoạt động tìm hiểu thực tế địa phương; tìm hiểu thực tế giáo dục

- Thực tập dạy học và các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp GVTH; sinh viên thực hiện các nhiệm vụ như GVTH ở cơ sở thực tập.

9.47 **Khoá luận tốt nghiệp/Thesis**

4 TC

Học phần thay thế khoá luận TN

a. Tiếng Việt trong trường Tiểu học/Vietnamese at primary school

2 TC (18,24,0).

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1

Học phần giúp sinh viên xác định và hiểu sâu hơn về các kiến thức tiếng Việt (Ngữ âm học tiếng Việt, Từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt, Ngữ pháp học tiếng Việt tiếng Việt, Phong cách học tiếng Việt) được đưa vào dạy trong chương trình Tiểu học.

b. PPDH Toán 3 /Teaching method of Maths 3.

2 TC (18,24,0).

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, số học, PPDH toán 1,2.

Cung cấp cho SV: Cung cấp cho sinh viên phương pháp giải các bài toán nâng cao ở tiểu học (Các bài toán về số và chữ số; các bài toán về chu vi, diện tích, thể tích của một hình, các bài toán về cắt ghép hình, các bài toán về chuyển động đều...); Phát hiện học sinh giỏi toán ở tiểu học. Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi...; các phương pháp khai thác và phát triển một bài toán ở tiểu học.

10. Đơn vị, cá nhân thực hiện chương trình đào tạo

TT	Tên môn học - Học phần	Bộ môn quản lý
1,2	Những Lý luận cơ bản của Mac – Lênin 1, 2	Nguyên lý
3	TT Hồ Chí Minh	Tư tưởng-PL
4	Đường lối CM của ĐCSVN	Đường lối
5-6	Tiếng Anh 1, 2	Ngoại ngữ KC
7	Giáo dục thể chất	GDTC
8	Giáo dục Quốc phòng	TT GDQP
9	QLHC nhà nước & QLGD	Tâm lý
10	Pháp luật ĐC	Tư tưởng-PL
11	Ngôn ngữ học đại cương	BM Ngữ văn
12	Cơ sở Văn hoá Việt Nam	“
13	Văn học 1	“
14	Âm nhạc	BM Nhạc
15	Mỹ thuật	BM Mỹ thuật
16	Tự chọn : Cơ sở TN&XH 2	Địa lý
17	Tin học	CNTT&TT
18	Toán cao cấp (TH)	BM Toán
19	Số học	BM Toán
20	Xác suất và thống kê	BM Toán
21	Giáo dục môi trường	ĐV, TV

22	Sinh lý trẻ em	Động vật
23	Tâm lý học Tiểu học	Tâm lý
24	Giáo dục học Tiểu học	
25-27	Tiếng Việt 1, 2, 3	BM Ngữ văn
28	PP dạy học tiếng Việt	“
29	Văn học 2	“
30	Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt	“
31-32	PPDH Toán ở tiểu học 1, 2	BM Toán
33	Phương tiện KTDH và ứng dụng CNTT trong dạy học Toán ở tiểu học	BM Toán
34	PP nghiên cứu KHGD	BM TLGD
35	Đánh giá kết quả GD ở tiểu học	“
36	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	BM TNXH
37	PPDH Tự nhiên và Xã hội	“
38	Thủ công - Kỹ thuật và PPDH	“
39	Đạo đức và PPDG đạo đức ở TH	Tư tưởng-PL
40	PPDH Thể dục	GDTC
41	PPDH Âm nhạc ở tiểu học	Nhạc
42	PPDH Mỹ thuật ở tiểu học	Mỹ thuật
43	Tiếng Việt tự chọn	BM Ngữ văn
44	PPDH Tiếng Việt tự chọn	“
45	Văn học tự chọn	“
46-48	Toán học tự chọn 1, 2, 3	BM Toán
49	Tổ chức HĐ GD ngoài giờ lên lớp TH CTác đội TNTP	BM TLGD “
50	Rèn luyện NVSP TX	“
51-52	Kiến tập – Thực tập	Các trường TH
53	Khóa luận TN	Khoa SPTH
	CD Văn - TV	BM Ngữ văn
	CD Toán	BM Toán

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Cơ sở thực hành, thực tập, thiết bị dạy học

Hệ thống lớp học, phòng thực hành và các thiết bị, đồ dùng dạy học cơ bản cần được trang bị đủ các phương tiện, dụng cụ đáp ứng cho nhu cầu dạy và học như: 1 phòng học múa, thực hành Âm nhạc (*gương, các loại đàn, video...*), 1 phòng thực hành Tạo hình (*giá vẽ, mô hình, hình mẫu...*); 1 phòng thực hành về sinh học, dinh dưỡng vệ sinh phòng bệnh (*kính hiển vi, đồ dùng nấu ăn, máy xay nghiền các loại...*).

11.2. Hệ thống tư liệu, thư viện, mạng Internet

Trung tâm Thông tin tư liệu - Thư viện Trường ĐHHĐ cần có đủ đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các lĩnh vực có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

Ngoài ra, để có thể truy cập tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet đã được trang bị và kết nối đến tận các khoa chuyên môn, phòng ban trong toàn trường.

11.3. Tài liệu tham khảo

TT	Tên môn học - Học phần	Danh mục tài liệu
1	Ngôn ngữ học đại cương	1. Mai Ngọc Chừ - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đỗ Việt Hùng - Bùi Minh Toán, Nhập môn ngôn ngữ học, Nxb Giáo dục, 2007 2. Nguyễn Thiện Giáp, Cơ sở ngôn ngữ học, Nxb Khoa học xã hội, 2008.
2	Cơ sở Văn hoá Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm: Cơ sở văn hoá, NXB Giáo dục, Hà Nội 1999. 2. Trần Quốc Vương (chủ biên): Cơ sở văn hoá Việt Nam. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003
3	Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt	1. Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh - <i>Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt</i> – NXB Giáo dục – 2002. 2. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí. <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội I, 1999.
4	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2	1- Phạm Hoàng Hải: Địa lý đại cương, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001. 2- Phan Huy Lê: Lịch sử Việt Nam, NXB ĐHQG Hà Nội, 1985
5	Nhập môn LTXS và thống kê toán	1-Phạm Văn Kiều, Trần Diên Hiển - Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê toán - Hà Nội 1995 2- Phạm Văn Kiều - Lý thuyết xác suất và thống kê - Hà Nội 1992
6	Giáo dục môi trường	1- Dương Hữu Thời, Cơ sở sinh thái học, NXB Đại học QG Hà Nội 2001. 2- Hoàng Đức Cự, Sinh học đại cương tập 1,2, NXB Đại học QG Hà Nội. 2001.
7	Sinh lý trẻ em	1- Lê Quang Long, Bài giảng sinh lý người và động vật - NXB Giáo dục 2000. 2- Trần Xuân Nhĩ. Giáo trình giải phẫu sinh lý người - NXB Giáo dục.
8	Tiếng Việt 1, 2	1. Đỗ Xuân Thảo - Lê Hữu Tĩnh, Giáo trình Tiếng Việt 2, NXB Đại học sư phạm, 2003 2. Lê A - Đinh Trọng Lạc- Hoàng Văn Thung, Giáo trình Tiếng Việt 2, NXB Đại học sư phạm, 2004
9	Tiếng Việt 3	1. Đỗ Hữu Châu - Đại cương ngôn ngữ học - Tập 2 : Ngữ dụng, Nxb Giáo dục, 2003 2. Đặng Đức Siêu, Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông, Nxb Giáo dục 2005
10	PP dạy học tiếng Việt	1. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí. <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội I, 1999. 2. Nguyễn Trí, Dạy và học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo chương trình mới, Nxb Giáo dục , 2002
11	Văn học	1-Trần Đình Sử, GT lý luận văn học NXBGD HN 2004 2-Hoàng Hoà Bình, Dạy văn cho HSTH, NMXBGD HN 2002
12	Số học	1- Trần Diên Hiển- Nguyễn Tiến Tài- Nguyễn Văn Ngọc- Giáo trình Lý thuyết số. Nhà xuất bản Giáo dục 1997. 2. Đạm Thế Cấp. Số học. Nhà xuất bản Giáo dục, 2003.

13	PPDH Toán ở tiểu học 1	1- Hà sĩ Hò, Đỗ Đình Hoan, Đỗ Trung Hiệu, PPDH toán tập I, Giáo trình đào tạo GV tiểu học hệ CĐSP và SP 12 + 2, Nxb Giáo dục H. 1999. 2- Kiều Đức Thành (chủ biên), Hoàng Ngọc Hưng, Lê Tiến Thành, Nguyễn Văn Tuấn, Một số vấn đề về nội dung và PPDH môn toán Tiểu học, Nxb Giáo dục, H. 2001.
14	PPDH Toán ở tiểu học 2	1.- Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy, Các phương pháp giải toán ở Tiểu học, Nxb Giáo dục, H.1999. 2- Đỗ Trung Hiệu, Nguyễn Hùng Quang, Kiều Đức Thành, PPDH toán tập II, Giáo trình đào tạo GV tiểu học hệ CĐSP và SP 12 + 2, Nxb Giáo dục H. 2000. 3.- Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy, Các phương pháp giải toán ở Tiểu học, Nxb Giáo dục, H.1999.
15	Phương tiện KTDH và ứng dụng CNTT trong dạy học Toán ở tiểu học	1- Trương Ngọc Nam- Trương Công Tuấn- Tự học PowerPoint– NXB Giáo dục, 1998 2. PTKT dạy học và UDCNTT trong dạy học ở tiểu học -NXB GD
16	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	1- Nguyễn Dược: Trái đất, NXB giáo dục Hà Nội, 1999. 2- Phạm Hoàng Hải: Địa lý đại cương, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001. 3- Phan Huy Lê: Lịch sử Việt Nam, NXB ĐHQG Hà Nội, 1985
17	PPDH Tự nhiên và Xã hội	1- Lê Văn Trường (chủ biên): Phương pháp dạy học TN&XH ở tiểu học, tài liệu tham khảo ĐHHĐ, 2005 2- Nguyễn Thượng Giao: Phương pháp dạy học môn TN&XH, NXB ĐHSP, 2004.
18	Thủ công - Kỹ thuật và PPDH Thủ công và Kỹ thuật ở TH	1-Đào Quang Trung ,Giáo trình giáo dục kỹ thuật – NXB ĐHSP – 2004. 2- Vũ Hải – Hoàng Hương Châu – Nguyễn Huỳnh Liễu, Lao động – kỹ thuật và PPDH – giáo trình đào tạo giáo viên TH NXB DG1999: 3- – Vũ Hải. Dạy học KT ở trường TH – NXB GD 1996. 4- Vũ Hải – Hoàng Hương Châu – Nguyễn Huỳnh Liễu, Lao động – kỹ thuật và PPDH – giáo trình đào tạo giáo viên TH NXB DG1999:
19	Âm nhạc	1- Trần Văn Dần Giáo trình âm nhạc dùng cho các trường Sư phạm xuất b năm 1976 2- Lý thuyết âm nhạc cơ bản của trường ĐHSP Nhạc - Hoạ trung ương. 3- Chỉ huy - Dàn dựng các tác phẩm âm nhạc - Giáo trình trường CĐSP NH - Hoạ Trung ương năm 1995. 4- Hoàng Lân - Văn Nhân.- Giáo trình giảng dạy âm nhạc dùng cho hệ đào tạo tại chức khoa GDTH trường ĐHSP Hà Nội 3- Giáo trình oóc - gan cuốn 1 của trường CĐSP Nhạc - Hoạ Tw
20	PPDH Âm nhạc ở tiểu học	1- Vai trò GD âm nhạc - Nhà xuất bản xã hội học 1971. 2- Âm nhạc và PPDH giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học nhà xuất bản giáo dục năm 2000.
21	Mĩ thuật	1- Giáo trình Mĩ thuật –đào tạo GV Tiểu học. 2- Giáo trình Mĩ thuật–dùng cho các hệ đào tạo GVTH học (tập I,II,III)– NXB Giáo dục. 3- Lược sử Mĩ thuật và mĩ thuật học – Giáo trình CĐSP 4- Lược sử Mĩ thuật Việt Nam – NXB Văn hóa – Thông tin.

22	PPDH Mĩ thuật ở tiểu học	1- Mĩ thuật và phương pháp dạy học – tập I, II, III – Giáo trình CDDP – NXB GD 2- Giáo trình Mĩ thuật - đào tạo GV Tiểu học.
23	Tiếng Việt tự chọn	1.Cao Xuân Hạo, Tiếng Việt - Sơ thảo Ngữ pháp chức năng, NXB KHXH 2004 2.Đỗ Hữu Châu tuyển tập - Tập 2 (Đại cương - Ngữ dụng học - Ngữ pháp văn bản) - Nxb Giáo dục, 2005
24	Văn học tự chọn	1. Đỗ Bình Trị, Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian, NXb Giáo dục, 1999 2. Nguyễn Lộc, Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX), Nxb Giáo dục, 1999 3. Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàn Khung, Lê Chí Dũng, Hà văn Đức, Văn học Việt Nam (1900 - 1945), Nxb Giáo dục, 1999

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình Đại học Giáo dục Tiểu học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BGD&ĐT, ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế HP sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Văn Trường